

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 03/2024/HS-ST
Ngày: 14-01-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Châu Nguyên Hiệu trưởng trường THCS Dân tộc Nội trú huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
2. Ông Lưu Thông-Nguyên hiệu trưởng trường tiểu học số 3 thị trấn Đ, huyện Đak Doa, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Thạch-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Trụ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **G** - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08/4/2004 tại Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn A, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông G và MỐI; Bị cáo sống chung như vợ chồng với PYAO, nhưng chưa có con; Tiền án; tiền sự: Không;

Từ ngày 08/5/2024 đến ngày 30/5/2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 07/6/2024, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 07/6/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **H** - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/5/2006 tại Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông K (Đã chết) và bà Đ (Đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; tiền sự: Không;

Từ ngày 08/5/2024 đến ngày 30/5/2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 07/6/2024, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. **H1** - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03/3/2008 tại Gia Lai; Tại Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 1504 ngày 15/7/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Độ tuổi của HUƠNG tại thời điểm ngày 14/5/2024 là 16 năm 01 tháng đến 16 năm 7 tháng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Gia Rai; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: AYỄN và bà Y; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; tiền sự: Không.

Từ ngày 08/5/2024 đến ngày 30/5/2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Ngày 07/8/2024, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

-*Người đại diện hợp pháp cho bị cáo H:* Ông: AYỄN và bà Y; cùng địa chỉ: thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. mặt.

-*Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1978 – Luật sư trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Địa chỉ: D L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông H1, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Anh H3, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Ông P, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh T1, sinh năm: 2009. Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Phùng V, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Thôn E, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông A-Cán bộ hưu trí. Địa chỉ: Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 08/5/2024 đến ngày 30/5/2024, G cùng H và H đã thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Vào khoảng 10 giờ ngày 08/5/2024, G cùng H và H1 đi bộ trên đường đất trong các rẫy cà phê gần cánh đồng I, thuộc làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để tìm tài sản trộm cắp. Trên đường đi thì cả ba nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển số 81B2-035.21 dựng trên đường cạnh rẫy cà phê và ruộng lúa, không có người trông coi nên G rủ H1 và H trộm cắp xe mô tô này thì H và H4 đồng ý (xe của anh H1, sinh năm 1981, trú tại B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai). Khi G đi đến vị trí dựng xe mô tô 81B2-035.21 thì thấy xe không gắn chìa khóa nên G dùng tay tháo dây ổ khóa của xe còn H dùng tay tháo 02 gương chiếu hậu của xe rồi ném xuống đất. Sau đó, cả ba dắt xe đi được khoảng 10 mét rồi G đạp nổ máy xe chở H và H đến tiệm sửa xe “Vũ” tại xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để bán xe mô tô vừa trộm được. H1 và H đứng bên ngoài còn GÈM vào tiệm bán xe được số tiền 700.000 đồng. G chia cho H và H mỗi người 100.000 đồng, số tiền này cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Số tiền còn lại GÈM dùng mua rượu và thức ăn để ăn uống cùng H và H. Sau khi làm xong việc, anh H1 đến lấy xe đi về thì phát hiện xe bị mất trộm và 02 gương chiếu hậu của xe trên nền đất nên đã giao nộp cho Công an. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ban hành Quyết định truy tìm chiếc xe mô tô trên, nhưng hiện vẫn chưa có kết quả.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59 ngày 29/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu xanh đen, biển kiểm sát 81B2-035.21; số khung: 3802GY011715, số máy: JA38E0043057, mua vào năm 2017, bị mất trộm ngày 08/5/2024 có trị giá 9.500.000 đồng.

- **Lần thứ hai:** Vào khoảng 04 giờ 00 phút ngày 14/5/2024, GÈM cùng HYÔH và HUƠNG đi bộ từ khu vực điện gió xã I đến vườn cao su, khu vực lô cao su số 14, ô 1,4 tại Nông trường H thuộc thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì thấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, biển số 81B2-677.25 dựng ở lô cao su không có người trông coi nên GÈM rủ HUƠNG và HYÔH trộm xe đi bán (xe của bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981, trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai dựng tại lô cao su để đi cạo mủ). Lúc này, G và H đi bộ đến đoạn đường trống cách xe khoảng 30m để quan sát cảnh giới còn H đi đến vị trí dựng xe rồi dắt bộ chiếc xe trên đến chỗ G để G phá khóa xe. G dùng tay rút dây bình và đạp nổ máy xe rồi chở H1 và H đi về phía gần công ty Đ1 và giấu xe trong vườn cà phê thuộc xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, sau đó cả ba đi bộ về nhà. Đến 4 giờ 45 phút cùng ngày, bà H2 phát hiện xe mô tô bị mất nên báo Công an xã. Do sợ bị phát hiện, nên G, H1 và H không quay lại vị trí giấu chiếc xe để lấy xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định vị trí giấu xe, ban hành Quyết định truy tìm chiếc xe trên nhưng hiện vẫn chưa có kết quả.

Tại Kết luận định giá tài sản số 58 ngày 29/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đen xám, mang BKS: 81B2-677.25, dung tích 100cc; số khung: 3813KY024118, số máy: JA38E04883223, mua mới tháng 6/2019, bị mất vào ngày 14/5/2024 có trị giá 10.500.000 đồng.

- **Lần thứ ba:** Vào khoảng 20 giờ ngày 18/5/2024, G cùng Hvà H1 đi bộ trên đường đất trong các rẫy cà phê thuộc khu vực cánh đồng xã I, thuộc thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì thấy một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển số 81B2-220.65 đang dựng ở đường bờ rẫy cà phê không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp (là xe của ông H3, sinh năm 1994, trú tại B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai dựng ở rẫy để đi tưới cà phê). Cả ba đi đến vị trí dựng xe thấy xe không gắn chìa khóa nên GÊM dùng tay tháo dây ổ khóa xe rồi dắt xe đi được khoảng 10 mét thì đạp nổ máy xe và điều khiển xe chở H1, H đi đến khu vực cánh đồng Ia Ong (thuộc thôn B) thì xe hết xăng nên cả ba dắt xe giấu vào rẫy cà phê gần đó rồi đi về ngủ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, ông H3 quay lại lấy xe thì phát hiện xe mô tô trên đã bị mất nên về nhà gọi người nhà đi tìm giúp. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 19/5/2024, ông H3 phát hiện xe mô tô biển số 81B2-220.65 tại cánh đồng Ia Ong thuộc thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên mang xe mô tô trên về nhà. Do ông H3 tìm được xe mô tô nên G, H1 và H không quay lại vị trí giấu chiếc xe để lấy.

Tại Kết luận định giá tài sản số 70 ngày 20/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô HONDA WAVE RSX màu đen, biển số: 81B2-220.65; số khung: RLHJA3825GY054043, số máy: JA38E0171972, mua vào tháng 12 năm 2021, bị mất trộm ngày 18/5/2024 có trị giá 11.000.000 đồng.

- **Lần thứ tư:** Vào khoảng 10 giờ ngày 30/5/2024, G cùng H và H1 đi bộ trên đường đất trong các rẫy cà phê thuộc thôn A, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì thấy một xe mô tô nhãn hiệu Future, biển số 81B2- 392.79 dựng ở trong rẫy cà phê, không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp (là xe ông P, sinh năm 1977, trú tại thôn A, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đưa cho vợ và con gái đi làm rẫy). Gđi đến vị trí dựng xe rồi dùng tay tháo dây ổ khóa của xe, sau đó cả ba cùng dắt xe đi được khoảng 10 mét thì G đạp nổ máy xe rồi chở H1 và H đến một tiệm sửa xe tại xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Khi bán xe, G và H đứng ở bên ngoài còn H vào tiệm bán xe được 1.300.000 đồng rồi đưa cho G. Số tiền này G dùng để mua rượu và thức ăn cho cả ba cùng sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 69 ngày 20/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô hiệu Future màu xanh xám, biển kiểm soát 81B2-392.79; số khung: 7601GZ052965, số máy: JC76E0163838, mua vào tháng 01/2018, bị mất trộm ngày 30/5/2024 có trị giá 13.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 02 gương chiếu hậu của xe mô tô, có cán bằng kim loại, khung bằng nhựa, màu đen, đã qua sử dụng (Do anh H1 nhặt tại vị trí bị mất trộm xe mô tô biển số 81B2-035.21).

Qua điều tra, xác định đây là tài sản của anh H1 (Sinh năm 1981, trú tại thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu đen, biển số: 81B2-220.65; số khung: RLHJA3825GY054043, số máy: JA38E0171972, sau khi bị mất trộm ông H3 đã tìm thấy xe tại cánh đồng la Ong thuộc thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai rồi mang về nhà nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không tiến hành thu giữ để điều tra.

Về Dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Thị H2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, tại phiên tòa bà H2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền theo định giá nhà nước là 10.500.000 đồng và các bị cáo cũng đồng ý bồi thường 10.500.000 đồng.

Đối với các bị hại H1, H3 và PŨP không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về dân sự.

Tại bản Cáo số 71/CT-VKS ngày 26-9-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo G, H và H1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt chính:

- Đối với bị cáo G:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù;

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt 08 (tám) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” của Bản án số 72/2024/HSST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 10 (mười) năm tù 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Đối với bị cáo H:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù;

- Đối với bị cáo H1:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 58; Điều 90; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 16 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không

Biện pháp tự pháp: Không.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự Điều 584, Điều 585; Điều 586; Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, đề nghị tuyên:

Buộc các bị cáo G, H và H1 phải bồi thường số tiền 10.500.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị H2, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.

Đối với bị cáo H phải bồi thường bằng tài sản của mình, nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ là ông A1 và bà Y phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đề nghị tuyên buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

-Người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm bào chữa thống nhất đối với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, tuy nhiên về mức hình phạt, người bào chữa cho rằng mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là hơi nặng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo với mức án phù hợp để tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình, rèn luyện thành công dân có ích cho xã hội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 08/5/2024, tại làng B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, G cùng H và H thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 81B2-035.21 của anh H1 có trị giá 9.500.000 đồng. Ngày 14/5/2024, tại Nông trường H thuộc thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, G cùng H và H thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 81B2-677.25 của chị Nguyễn Thị H2 có trị giá 10.500.000 đồng. Ngày 18/5/2024, tại thôn B, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, G cùng H và H thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 81B2-220.65 của ông H3 có trị giá 11.000.000 đồng. Ngày 30/5/2024, tại thôn A, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, G cùng H và H thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 81B2-392.79 của ông P có trị giá 13.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 44.000.000 đồng. Đây là vụ án do nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm nhưng không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm cụ thể nên chỉ

là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, G là người khởi xướng cùng H và H trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác nêu trên của các bị cáo G1, H và H là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 44.000.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa đã truy tố các bị cáo về các tội danh và điều luật như đã viện dẫn trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Các bị cáo phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo G, HH và H1 đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cả 04 lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo GÊM xúi giục bị cáo H là người chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “*xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo G, H và H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, khi phạm tội bị cáo H chưa đủ 18 tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại chương XII Bộ luật Hình sự.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng.

[4]. Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị H2 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 10.500.000 đồng. Xét yêu cầu của bị hại là chính đáng và tại phiên tòa các bị cáo đã đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị cáo H là người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Đối với bị hại H1, H3 và P không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về các vấn đề khác:

Que test nhanh, GÊM dương tính với ma túy METH, MDMD: G khai nhận mua ma túy của một người đàn ông tên H5 (không rõ nhân thân, lai lịch trú tại xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) để sử dụng và chia nhỏ ra bán cho người khác. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án số 48 ngày 06/5/2024 và Quyết định khởi tố bị cáo số 86 ngày 16/6/2024 đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy nêu trên của GÊM. Hiện đang được điều tra trong vụ án khác.

Đối với địa điểm G và H bán xe mô tô sau khi trộm cắp được, HYÔH không nhớ bán xe cho ai, ở địa chỉ nào. G và H1 xác định đã bán xe mô tô sau khi trộm cắp tại tiệm S thuộc Thôn E, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. G là người trực tiếp bán 01 xe cho ông Nguyễn Phùng V (Sinh năm 1995, trú tại Thôn E, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai-chủ tiệm sửa xe V), khi bán thì không nói tài sản do trộm cắp mà có. Qua điều tra, ông Nguyễn Phùng V trình bày trong tháng 5/2024, ông V không mua xe mô tô nào do G bán. Ngoài lời khai, không có tài liệu chứng minh việc G bán xe mô tô trộm cắp được cho ông ông Nguyễn Phùng V, khi bán xe G cũng không nói cho người mua biết tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý đối với ông Nguyễn Phùng V về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo G, H và H1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Đối với bị cáo G:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo GÊM 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp với hình phạt 08 (tám) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” của Bản án số 72/2024/HSST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2024.

- Đối với bị cáo H:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo H 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Đối với bị cáo H1:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 58; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo H1 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585; Điều 586; Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự, tuyên:

Buộc các bị cáo G, H và H1 phải bồi thường số tiền 10.500.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị H2, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.

Đối với bị cáo H phải bồi thường bằng tài sản của mình, nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ là ông A1 và bà Y phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường Quốc Hội;

Buộc các bị cáo GÊM, HYÔH và HUÔNG mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSPA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên